

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST

Ngày: 28 - 4- 2023

**NHÂN DANH
N- ỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy

Bà Nguyễn Thị Lê Thanh - nghề nghiệp: giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Là thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yên - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2023/TLST- HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Đoàn Văn L, sinh năm 2000, nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định và bà Đoàn Thị T; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam từ ngày 12/01/2023 tại nhà tạm giữ công an huyện Quảng X. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:* Cháu Lê Thị D - sinh 25/4/2007 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

** Người đại diện hợp pháp cho cháu D:*

Chị Trần Thị S - sinh năm 1980 - mẹ cháu Dương (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua xã hội, khoảng đầu tháng 6/2022, Đoàn Văn L làm quen và nảy sinh tình cảm với cháu Lê Thị D, sinh 25/4/2007 ở Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Vào buổi trưa khoảng 01 tuần sau khi quen nhau, cháu D và L đều không nhớ rõ ngày L nhắn tin rủ cháu D đến nhà chơi, cháu D đồng ý. Sau đó L điều khiển xe mô tô đến nhà cháu D đón D về nhà mình, về đến nhà L và cháu D đi vào phòng ngủ của L rồi cả hai lên giường nằm nói chuyện, trong lúc nằm nói chuyện, L nảy sinh ý định quan hệ tình dục với cháu D nên dùng tay ôm, sờ, bóp vú cháu D, thấy cháu D không nói gì nên L đưa tay xuống sờ vào bộ phận sinh dục của cháu D, D vẫn nằm yên không có phản ứng gì nên L nói “cho anh làm nhé” (ý L muốn hỏi cháu D cho L quan hệ tình dục) thì cháu D đồng ý. L liền dùng tay cởi quần dài và quần lót của cháu D ra, rồi cởi hết quần áo của mình, sau đó L dùng tay cầm dương vật của mình đâm sâu vào trong âm đạo của cháu D để quan hệ tình dục, quan hệ tình dục với cháu D được khoảng 05 phút thì L xuất tinh lên bụng cháu D. Sau đó L và cháu D mặc quần áo vào, rồi Long điều khiển xe mô tô chở cháu D đến trường THCS xã Q, huyện Qu để đi học.

Ngoài lần quan hệ tình dục trên, L còn thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu Lê Thị D03 lần khác, cụ thể như sau:

Lần thứ hai và thứ ba: Ngày hôm sau buổi trưa của lần quan hệ tình dục lần thứ nhất, Lo tiếp tục nhắn tin rủ cháu D đến nhà chơi thì cháu D đồng ý. Sau đó Lo điều khiển xe mô tô đi đón cháu D. Trên đường đi L rẽ vào hiệu thuốc mua một hộp bao cao su loại 03 cái 01 hộp, đón cháu D, L trở cháu D về nhà mình rồi cả hai đi vào phòng ngủ của L nằm ôm nhau. Tại đây L và cháu D tiếp tục quan hệ tình dục với nhau, lần này L có sử dụng bao cao su. Lúc này L nói với cháu D “quay cái video quan hệ lại không sau này sợ chia tay lắm” thì cháu D gật đầu đồng ý, thì L vừa quan hệ tình dục vừa cầm điện thoại đã bật chế độ quay video quay lại cảnh L và cháu D đang quan hệ tình dục với nhau, quay được khoảng 40 giây thì cháu D nói “thôi không quay nữa” nên L tắt điện thoại và tiếp tục quan hệ tình dục với cháu D, cả hai quan hệ tình dục kéo dài khoảng 2-5 phút thì L xuất tinh, L và cháu D tiếp tục nằm trên giường ôm nhau xem điện thoại. Khoảng 15 phút sau, L chủ động gồi dậy đeo bao cao su và tiếp tục quan hệ tình dục với cháu D, cháu D đồng ý và vẫn nằm yên để L quan hệ tình dục, được khoảng 10 phút thì L xuất tinh. Sau đó cả hai tự mặc quần áo lại và L trở cháu D đi học.

Lần thứ tư: Cách lần quan hệ thứ hai và thứ ba 02 ngày. Vào buổi trưa, L tiếp tục nhắn tin rủ cháu D sang nhà chơi thì D đồng ý. Như các lần trước, đón được cháu D về đến nhà mình, L và cháu D đi vào phòng ngủ của L rồi lên giường nằm và tiếp tục quan hệ tình dục với cháu một lần.

Sau lần quan hệ tình dục thứ tư khoảng 1 tuần, cháu D nhắn tin đề nghị chia tay với cháu L, yêu cầu L xóa video đã quay cảnh L và cháu D quan hệ tình dục với nhau, thì L đồng ý xóa đoạn video. Từ đó cả hai không liên lạc với nhau nữa.

Đến tháng 12/2022, mẹ của cháu D là chị Trần Thị S, nhận thấy con mình học hành sa sút nên hỏi và cháu D nói nguyên nhân do cháu D sợ đoạn video quay cảnh quan hệ tình dục với cháu L bị lộ ra ngoài. Vì vậy ngày 21/12/2022, chị S trình báo sự việc đến cơ quan công an xã Q, huyện Q để được giải quyết. Ngày 26/12/2022 Công an xã Q xác định vụ việc có dấu hiệu của tội “Giao cấu với người

từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” qui định tại Điều 145 của BLHS nên đã chuyển hồ sơ đến cơ quan CSĐT Công an huyện Q để điều tra, xử lý theo qui định.

Tại bản kết luận giám định số 95/2022/TTPY-TDTE ngày 03/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận pháp y về tình dục đối với cháu Lê Thị D, thể hiện: tại thời điểm khám giám định pháp y về tình dục đối với Lê Thị D, màng trinh: Rách cũ vị trí 3 giờ, 7 giờ (không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác về thời gian rách màng trinh của cháu Lê Thị D); không tìm thấy xác tinh trùng và xác tinh trùng tên mẫu thu từ âm đạo. Lê Thị D không có thai.

Tại bản kết luận giám định số 96/2022/TTPY-TDTE ngày 03/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận pháp y về tình dục đối với Đoàn Văn L kết luận: Tại thời điểm giám định pháp y về tình dục đối với Đoàn Văn L, xác định khả năng hoạt động tình dục và khả năng giao hợp của Đoàn Văn L trong giới hạn bình thường.

Tại cơ quan điều tra, Đoàn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Cháu Lê Thị D và người đại diện hợp pháp cho cháu Lê Thị D là chị Trần Thị S (mẹ cháu D) tự bào chữa và từ chối người bào chữa do cơ quan tiến hành tố tụng cử.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-QX ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Đoàn Văn L về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho cháu D.

Đối với vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc áo cộc tay màu đen, dạng áo cổ tròn và 01 chiếc quần đùi màu đen của L mặc khi quan hệ tình dục với cháu D, cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, cùng các chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2022, Đoàn Văn L và cháu Lê Thị D sinh ngày 25/4/2007 (15 tuổi 02 tháng) ở thôn T, xã Q, huyện Q có quan hệ yêu đương với nhau. Trong thời gian yêu nhau, L đã 04 lần quan hệ tình dục với cháu D tại nhà của L ở thôn T, xã Q, huyện Q. Các lần quan hệ tình dục với cháu D thì cháu D đều tự nguyện đồng ý cho L thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố Đoàn Văn L về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật.

[3]. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Đoàn Văn L có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Do bị cáo L có 04 lần quan hệ tình dục đối với cháu D được xác định là “phạm tội 02 lần trở lên” và là tình tiết định khung đối với bị cáo, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt và phải chịu trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

[4] Tính chất vụ án: Bị cáo L và cháu D trong quá trình làm quen đã nảy sinh tình cảm yêu đương với nhau, bị cáo biết cháu Dương là người cùng thôn đang còn nhỏ tuổi, nhưng chỉ vì thỏa mãn ham muốn tình dục, bị cáo đã bất chấp qui định của pháp luật, bất chấp đạo đức xã hội, thực hiện hành vi giao cấu với cháu D, trong khoảng thời gian tháng 6/2022 bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu D tại nhà bị cáo. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự cá nhân, đến sự phát triển tâm sinh lý bình thường của người dưới 16 tuổi, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do vậy phải được xử lý nghiêm minh.

[5]. Nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có nhận thức, nhưng sống thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, thiếu sự hiểu biết pháp luật đã lao vào con đường phạm tội. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, với tính chất vụ án, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo một phần vì thành khẩn khai báo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[5.1]. Chấp nhận sự tự nguyện của của gia đình bị hại chị Trần Thị S đại diện cho cháu D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự cho cháu D.

[5.2]. Đối với vật chứng của vụ án: 01 chiếc áo cộc tay màu đen, dạng áo cổ tròn và 01 chiếc quần đùi màu đen của Long mặc khi quan hệ tình dục với cháu D, căn cứ khoản 1 điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy (hiện vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án huyện Quảng xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2023)

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS; Khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Tuyên bố: Đoàn Văn L phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”

- Xử phạt: Đoàn Văn L 04 (bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2023

- Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị S (mẹ cháu D) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự cho cháu D.

- Tịch thu tiêu hủy số tang vật gồm: 01 chiếc áo cộc tay màu đen, dạng áo cổ tròn và 01 chiếc quần đùi màu đen của L (toàn bộ tang vật đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2023).

-Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a ,9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp cho bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

- VKSND huyện Q
- Công an huyện Q
- THA DS huyện Q
- L- u hồ sơ.

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

Nơi nhận

- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ
- VKSND huyện Quảng Xương
- Công an huyện Quảng Xương
- THA DS huyện Quảng Xương
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa

Lê Sỹ Quyền

Hoàng Thị Thúy

Bùi Thị Huyền

